

Số: 162 /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 01 năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2020**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử tỉnh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là CNTT), cải cách hành chính của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của các cấp lãnh đạo; tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4, kịp thời phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, phấn đấu hoàn thành 100% các mục tiêu của giai đoạn 2016 - 2020.

##### **2. Mục tiêu cụ thể:**

###### **a) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh trên tổng số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết thuộc các thủ tục hành chính được công bố thực hiện trực tuyến đạt từ 40% trở lên. Hoàn thành kết nối Cổng Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% dịch vụ công sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các hệ thống thông tin chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tối thiểu 50% các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.

- Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 22%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 12%.



- Tiếp tục duy trì trên 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; trên 95% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

- 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội.

- 45% số lượng các gói thầu có hình thức chào hàng cạnh tranh, gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên phạm vi toàn tỉnh được thực hiện đấu thầu qua mạng.

**b) Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- Ban hành các văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử.

- 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 80% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc cấp huyện, 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được tạo lập, xử lý trên môi trường mạng.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực được duy trì, nâng cấp mở rộng hoặc phát triển mới theo kế hoạch nhằm bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong các cơ quan quản lý chuyên môn.

- 100% cơ sở dữ liệu về hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được số hóa theo kế hoạch, tổ chức sử dụng có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý và chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền.

- 100% hoạt động nâng cấp hoặc đầu tư mới đối với các hệ thống thông tin dùng chung, phần mềm ứng dụng chuyên ngành, lĩnh vực theo kế hoạch, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ, đáp ứng yêu cầu Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

- 100% cán bộ chuyên trách về CNTT của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế.

**c) Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu**

- Nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT của Trung tâm dữ liệu tỉnh và cơ quan nhà nước các cấp theo lộ trình được xác định tại Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh nhằm phục vụ hoạt động ổn định các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

- Hoàn thành triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của tỉnh theo kế hoạch, đưa vào sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử của tỉnh theo kiến trúc được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin mạng; nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại trong hoạt động giao dịch điện tử; nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin mạng đến từng cán bộ, công chức, viên

chức và tăng cường hoạt động đánh giá, kiểm tra, giám sát, bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Tiếp tục xây dựng Đề án thí điểm thành phố Nha Trang theo mô hình thành phố thông minh.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp**

a) Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương; bổ sung các chuyên mục, cập nhật thông tin đúng thời gian quy định nhằm bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; kịp thời đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ: Rà soát, bổ sung danh mục thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4; danh mục thủ tục hành chính cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến; rà soát, nâng cấp trang thiết bị của Bộ phận một cửa; kết nối với Cơ sở dữ liệu về dân cư, đăng ký kinh doanh để hỗ trợ xác thực thông tin người dân và doanh nghiệp... ban hành tại Kế hoạch số 10234/KH-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Tiếp tục hoàn thiện các tính năng, tiện ích của các phân hệ, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công mức độ 4 phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nghiên cứu phương án mở rộng triển khai cho các cơ quan ngành dọc, hướng đến mục tiêu Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh làm đầu mối tập trung, thống nhất cung cấp các loại dịch vụ hành chính công trực tiếp, trực tuyến của tỉnh phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng “biểu mẫu điện tử”, “hồ sơ điện tử” để nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng khi đăng ký thực hiện thủ tục hành chính mức độ 3, 4; đa dạng hóa các kênh giao tiếp, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến; triển khai đồng bộ các giải pháp, cơ chế chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức để tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, bảo đảm đạt chỉ tiêu đề ra.

đ) Triển khai phương án kết nối Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và Cổng dịch vụ công quốc gia. Chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích

hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

e) Tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính cho toàn tỉnh; mở rộng danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; duy trì hoạt động ổn định hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân.

g) Triển khai sử dụng có hiệu quả và có kế hoạch nâng cấp (nếu có) các ứng dụng khác phục vụ người dân, doanh nghiệp như: Hệ thống phần mềm khai báo dành cho các cơ sở kinh doanh lưu trú trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng của các cơ sở kinh doanh lưu trú; phần mềm quản lý và công bố kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri nhằm tăng cường kênh giám sát của cử tri đối với kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của tỉnh,...

h) Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng nội dung Chương trình truyền thông Chính phủ điện tử IT TODAY tỉnh Khánh Hòa trên Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, tăng cường lồng ghép tuyên truyền cải cách hành chính, về dịch vụ công trực tuyến và chính quyền điện tử của tỉnh; duy trì tổ chức các sự kiện ICT hàng năm.

i) Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020 (ban hành tại Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa): Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin và hướng dẫn sử dụng dịch vụ chữ ký số trong giao dịch thương mại điện tử; xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia, xây dựng website thương mại điện tử và các đề án, dự án liên quan đến thương mại điện tử.

k) Tiếp tục duy trì bền vững và phát huy hiệu quả hoạt động tại các Điểm thư viện công cộng, Bưu điện văn hóa xã đã tiếp nhận từ dự án Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập Internet công cộng tại Việt Nam; bố trí kinh phí và triển khai các giải pháp tăng cường khả năng cung cấp thông tin số cho người dân.

l) Đẩy mạnh việc tổ chức đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu có hình thức chào hàng cạnh tranh, gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, bảo đảm đạt chỉ tiêu được giao theo lộ trình triển khai của Chính phủ, của tỉnh.

## **2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước**

a) Tiếp tục tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung đã được đầu tư và triển khai. Tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung, hoàn thiện chức năng các phần mềm trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế tại các cơ quan, địa phương; kết hợp nghiên cứu, triển khai các giải pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cấp các phần mềm ngày càng hoàn thiện, tạo thuận lợi hơn trong thao tác, xử lý.

b) Tiếp tục phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp sử dụng chứng thư số chuyên dùng theo lộ trình để bảo đảm việc trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện

từ trong cơ quan nhà nước theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ.

c) Duy trì, nâng cấp, mở rộng, ứng dụng các phần mềm nghiệp vụ phục vụ quản lý, xử lý công việc chuyên môn trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm công tác quản lý của cơ quan chuyên môn và đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

d) Cập nhật, hoàn thiện Khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa (phiên bản 2.0) phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0); triển khai áp dụng Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh đã được ban hành trong quá trình xây dựng chính quyền điện tử tỉnh.

e) Bố trí nguồn lực tổ chức triển khai đúng tiến độ các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT chuyên tiếp, các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT đầu tư mới.

g) Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn tỉnh theo mô hình ISO điện tử, tích hợp và đồng bộ với hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh, đảm bảo là công cụ đắc lực cho các hoạt động cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

### **3. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử**

a) Hoàn thiện, xây dựng mới các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, CSDL chuyên ngành, lĩnh vực và các hệ thống thông tin cốt lõi phục vụ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước, tạo nền tảng xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh, bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

b) Hoạt động đầu tư mới các hệ thống thông tin tại các sở, ngành, địa phương bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, CSDL do các Bộ, ngành triển khai; không đầu tư trùng lặp với các CSDL quốc gia và danh mục các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương do các Bộ, ngành triển khai đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông và của Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014.

c) Xây dựng kế hoạch triển khai Nền tảng tích hợp dịch vụ và ứng dụng CNTT (LGSP) làm nền tảng để triển khai chính quyền điện tử cấp tỉnh theo kiến trúc hướng dịch vụ (Service Oriented Architecture). LGSP tỉnh bảo đảm tuân thủ quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia (Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông) và có đầy đủ các thành phần cơ bản theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016 – 2020, phục vụ kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương; tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; tích hợp phần mềm Một cửa điện tử với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm quản lý chuyên ngành

nhằm tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu.

#### **4. Hạ tầng kỹ thuật**

a) Bổ sung đầu tư, nâng cấp các hạ tầng thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tỉnh để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử tỉnh theo đúng lộ trình. Tái cấu trúc hạ tầng CNTT của tỉnh theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng CNTT theo khu vực nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng, chống thảm họa, đảm bảo vận hành ổn định, an toàn thông tin, an toàn mạng cho các hệ thống thông tin, CSDL.

b) Đầu tư thiết bị, phần mềm bảo vệ hạ tầng mạng diện rộng, mạng nội bộ và hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và các phòng máy chủ để hỗ trợ cho chủ quản hệ thống thông tin bảo vệ trước các cuộc tấn công mạng từ ngoài vào, đồng thời kiểm soát được các vấn đề bên trong hệ thống mạng theo các yêu cầu cơ bản tại Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT ngày 28/12/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020.

c) Đầu tư thiết bị, phần mềm phát hiện và phòng, chống xâm nhập cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và các phòng máy chủ; đầu tư thiết bị, phần mềm hỗ trợ theo dõi, phân tích sự kiện an toàn thông tin (từ các nguồn dữ liệu khác nhau) cho các hệ thống thông tin đáp ứng các chức năng theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT.

d) Bổ sung đầu tư, trang bị, nâng cao năng lực của hạ tầng CNTT tại các sở, ban ngành, địa phương; tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, đảm bảo vận hành ổn định, an toàn thông tin, an toàn mạng cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có.

đ) UBND cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư mới và bổ sung, nâng cấp trang thiết bị CNTT cho các phòng máy chủ tại UBND cấp huyện và hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT của các đơn vị thuộc và trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử địa phương theo đúng lộ trình của Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa.

e) UBND cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư trang bị, bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho UBND cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin được đầu tư, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện ban hành tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

g) Tiếp tục triển khai nâng cấp hạ tầng mạng; hạ tầng kết nối; hạ tầng an toàn thông tin cho các phòng máy chủ cấp huyện, các sở, ngành; bổ sung trang thiết bị CNTT cần thiết phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng của người dùng cuối theo lộ trình triển khai tại các đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

h) Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2020 – 2021.

i) Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh rà soát, đánh giá, có giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **5. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin**

a) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh (ban hành tại Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh); Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Kế hoạch số 8027/KH-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh); ban hành và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh năm 2020; tổ chức thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Đội Ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

b) Vận hành, khai thác hiệu quả các hệ thống kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử tỉnh được đầu tư theo các dự án, nhiệm vụ. Hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; triển khai nhân rộng mô hình quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 cho các cơ quan, địa phương. Đưa nội dung thực hiện chính sách đảm bảo an toàn thông tin vào hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin mới.

c) Tiếp tục phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp và sử dụng chứng thư số chuyên dùng theo lộ trình để bảo đảm việc trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước. Mở rộng triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số trong xác thực văn bản điện tử cho các hệ thống thông tin, thiết bị di động để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước theo lộ trình của Chính phủ.

d) Các cơ quan, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

đ) Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an

toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

e) Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) hoặc hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai sử dụng tại địa phương; không được sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng để thực hiện hoạt động công vụ.

## **6. Nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin**

a) Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử.

b) Chú trọng các chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tổ chức đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa cho các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống, an toàn, an ninh thông tin, Ipv6...

c) Triển khai thực hiện các cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực có trình độ tham gia xây dựng, phát triển chính quyền điện tử; xem xét, cử cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tham gia thi tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ CNTT và viễn thông phù hợp với vị trí việc làm.

d) Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế và các tập đoàn mạnh về phát triển Chính phủ điện tử.

e) Ưu tiên xây dựng chính quyền điện tử theo hình thức thuê dịch vụ CNTT trọn gói do các doanh nghiệp CNTT cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách theo đúng quy định; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ triển khai, phát triển chính quyền điện tử.

g) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai chính quyền điện tử; trong việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Giải pháp về môi trường chính sách**

a) Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về công tác ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử sau khi các văn bản này được Trung ương sửa đổi, thay thế, ban hành mới.

b) Hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh.



c) Thường xuyên rà soát, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn và phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

d) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy định, quy chế về hệ thống thông tin dùng chung, về an toàn thông tin, trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, các quy định về cập nhật CSDL, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC,...

đ) Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT.

e) Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT, cung cấp các dịch vụ thuộc Danh mục các dịch vụ CNTT ưu tiên thuê dịch vụ đã được phê duyệt tại Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

## **2. Giải pháp tài chính**

a) Ngân sách địa phương đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước năm 2020, được cân đối phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên hợp lý để duy trì hoạt động ổn định cho các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

b) Các nguồn vốn cấp cho hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong năm 2020, dự kiến:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: Đầu tư các dự án về phát triển các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, bao gồm: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phát triển phần mềm ứng dụng và xây dựng cơ sở dữ liệu, thực thi công tác đảm bảo an toàn thông tin, đào tạo quản lý sử dụng, xây dựng các chính sách quản lý, khai thác sử dụng,...

- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ: Triển khai các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu phát triển CNTT; các dự án chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao phần mềm quản lý chuyên ngành, lĩnh vực; các hoạt động ứng dụng CNTT khác, trong đó ưu tiên kinh phí thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử.

- Nguồn vốn sự nghiệp: Duy trì các hệ thống thông tin đã có (bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa), mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị CNTT, mua sắm các phần mềm thương mại; thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin; đào tạo chuyển giao công nghệ; thuê các dịch vụ CNTT; phát triển các hệ thống thông tin có quy mô nhỏ và các nhiệm vụ cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính,...

- Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án khác.

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

### **3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính**

a) Xây dựng các chương trình phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử với công tác cải cách hành chính; phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các hệ thống thông tin đã được đầu tư phục vụ hiện đại hóa hành chính.

b) Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan.

c) Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng CNTT; bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng cải cách hành chính (tiêu chí lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính), bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử của các xã, phường, thị trấn, bảo đảm tính khách quan, minh bạch và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra ứng dụng CNTT tại các cơ quan, địa phương lồng ghép trong các đợt kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh.

d) Đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng CNTT đạt giải cao tại các cuộc thi Mô hình, sáng kiến cải cách hành chính của tỉnh, làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai nhân rộng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao.

### **4. Giải pháp tổ chức, triển khai**

a) Kiện toàn và phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa, đặc biệt là công tác tham mưu các cơ chế, chính sách, phương án, giải pháp phát triển ứng dụng CNTT mang tính chiến lược, lâu dài và bền vững; công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai các chương trình, đề án, dự án ứng dụng CNTT quan trọng của địa phương.

b) Tăng cường vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước; phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT ở các cấp; đặc biệt ở cấp huyện phải đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ cán bộ công chức để đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà nước và cải cách hành chính tại cấp huyện, cấp xã.

c) Kết hợp chặt chẽ ứng dụng CNTT với công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo các cấp và hoạt động cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương; gắn việc đánh giá hiệu quả công tác quản lý, công tác cải cách hành chính với hiệu quả triển khai các ứng dụng CNTT tại cơ quan, địa phương.

d) Các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT được thông qua phải đảm bảo xem xét về sự đồng bộ các điều kiện: Con người, chính sách pháp lý, tài chính, giải pháp công nghệ, mục tiêu và hiệu quả sử dụng; đáp ứng các yêu cầu về kế thừa các

hệ thống thông tin đã có; đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin và các yêu cầu kỹ thuật về kết nối ứng dụng, cơ sở dữ liệu; phù hợp Kiến trúc chính quyền điện tử của địa phương; không trùng lắp với các CSDL, hệ thống thông tin đã được Bộ, ngành đầu tư và triển khai.

d) Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT phục vụ việc triển khai, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

e) Thường xuyên tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan, địa phương; gắn ứng dụng CNTT với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng của đơn vị và thủ trưởng cơ quan.

g) Tăng cường triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, trách nhiệm xử lý dịch vụ công trực tuyến của cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

## **5. Các giải pháp khác**

a) Quán triệt, cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2020 để thuận lợi trong công tác tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.

b) Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò và hiệu quả của việc ứng dụng CNTT cho các lực lượng xã hội; khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia các hoạt động cung cấp, trao đổi thông tin qua mạng, đặc biệt là sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, nhằm giảm chi phí và thời gian, từng bước nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống.

c) Tăng cường hợp tác với các tỉnh bạn để học tập kinh nghiệm về việc ứng dụng CNTT phục vụ các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh.

## **IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT triển khai trong năm 2020 chi tiết tại Phụ lục đính kèm Kế hoạch này.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa**

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

d) Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

e) Theo dõi việc tổ chức thực hiện, tổng hợp tình hình để kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc phát sinh.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh năm 2020 và các nguồn ngân sách khác (nếu có) cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

### **4. Sở Tài chính**

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, thẩm định, tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp năm 2020 để thực hiện Kế hoạch (trong đó bao gồm kế hoạch ứng dụng CNTT của các cơ quan, địa phương).

### **5. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các chương trình phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử với công tác cải cách hành chính; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các hệ thống thông tin đã được đầu tư phục vụ hiện đại hóa hành chính.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu phương án bổ sung hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về CNTT, đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là tại cấp huyện, cấp xã.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tham mưu điều chỉnh Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 theo hướng tạo điều kiện tuyển dụng nhân lực có trình độ CNTT vào làm việc tại UBND cấp xã.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu các chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao đáp ứng nhu cầu công việc về công tác tại tỉnh; cơ chế chính sách đãi ngộ, đào tạo nâng cao và sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT.

đ) Thực hiện tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng của các cơ quan, địa phương, trong đó có kết hợp lồng ghép các nội dung đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT.

### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông đã được phê duyệt tại kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông vào thực tiễn quản lý.

#### **7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

a) Căn cứ Kế hoạch này, cụ thể hóa thành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2020 tại đơn vị, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, địa phương nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b) Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

#### **8. Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa**

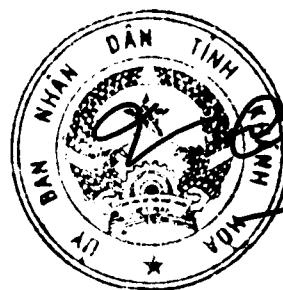
Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT và truyền thông tại địa phương./.

*(Đính kèm Danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT triển khai trong năm 2020).*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ TTTT (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy (để b/c);
- TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng KSTTHC
- Lưu VT, NN, HPN, HLe. 15

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Tài**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Stt      | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                             | Đơn vị<br>chủ trì            | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                                                               | Phạm vi<br>đầu tư                                   | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                       | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA;...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Dự án thực hiện năm 2020</b>                                                                    |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                             |                                                     |                         |                                                      | <b>114.558</b>                                                                   |                                                         | <b>73.040</b>                    |
| <b>1</b> | <b>Dự án chuyển tiếp từ năm 2019</b>                                                               |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                             |                                                     |                         |                                                      | <b>88.088</b>                                                                    |                                                         | <b>53.570</b>                    |
| 1.1      | Dự án Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa | Sở Thông tin và Truyền thông | Tăng cường năng lực ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để quản lý hoạt động chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo lập một hệ thống thông tin tổng thể để quản lý hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh; hỗ trợ công tác quản lý và điều hành của các cấp chính quyền và tăng cường khả năng cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp | Mở rộng cơ sở hạ tầng TTDL tỉnh, xây dựng và phát triển phần mềm ứng dụng GIS, phần mềm nội bộ quản lý chuyên ngành, xây dựng CSDL nền và CSDL chuyên ngành | Các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp tỉnh, cấp huyện | 2014 - 2020             | Các phần mềm nội bộ, CSDL, đào tạo sử dụng hệ thống. | 82.518                                                                           | NSDP                                                    | 48.000                           |
| 1.2      | Nâng cấp hạ tầng mạng, máy chủ Văn phòng UBND tỉnh Khánh Hòa                                       | Văn phòng UBND tỉnh          | Đầu tư mới trang thiết bị tin học, nâng cấp hệ thống mạng với giải pháp kỹ thuật hiện đại, tiên tiến và đồng bộ để mở rộng hạ                                                                                                                                                                                                                                  | Mua sắm Máy chủ, các thiết bị CNTT, phần mềm bản quyền                                                                                                      | Văn phòng UBND tỉnh                                 | 2019-2020               | Toàn bộ dự án                                        | 5.570                                                                            | NSDP                                                    | 5.570                            |

| Stt      | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                             | Đơn vị<br>chủ trì            | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                        | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                     | Phạm vi<br>đầu tư      | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                                                 | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA;...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|
|          |                                                                                                                    |                              | tăng kỹ thuật CNTT và hệ thống mạng tại Văn phòng UBND tỉnh, phục vụ duy trì hoạt động ổn định, liên tục các ứng dụng phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành đang triển khai tại Văn phòng UBND tỉnh; tăng cường hệ thống giám sát, an toàn an ninh thông tin trong hệ thống mạng. | Windows và Virus...                                                               |                        |                         |                                                                                                |                                                                                  |                                                         |                                  |
| <b>2</b> | <b>Dự án triển khai mới 2020</b>                                                                                   |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                   |                        |                         |                                                                                                | <b>26.470</b>                                                                    |                                                         | <b>19.470</b>                    |
| 2.1      | Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa             | Sở Thông tin và Truyền thông | Phục vụ triển khai, vận hành của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa                                                                                                                                                                                           | Xây dựng mô hình kiến trúc điện toán đám mây riêng (private cloud), quy mô 4 node | Trung tâm dữ liệu tỉnh | 2020 - 2021             | Trang bị hệ thống thiết bị theo mô hình điện toán đám mây riêng (private cloud), quy mô 4 node | 8.000                                                                            | NSDP                                                    | 5.000                            |
| 2.2      | Kết nối hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng lộ | Sở Thông tin và Truyền thông | Tổ chức thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ                                                                                                                                     | Nâng cấp, chuẩn hóa phần mềm Một cửa và các phân hệ cơ sở dữ liệu                 | Trung tâm dữ liệu tỉnh | 2020 - 2022             | Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính, kết nối hệ thống xác                               | 6.000                                                                            | NSDP                                                    | 2.000                            |

| Stt | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                                  | Đơn vị<br>chủ trì                        | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                                                                                       | Phạm vi<br>đầu tư                                       | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                                                                       | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA;...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|
|     | trình của Chính phủ.                                                                                                    |                                          | trình của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                            | phục vụ kết<br>nối đồng bộ<br>với Cổng<br>DVC quốc gia                                                                                                                              |                                                         |                         | thực của<br>tỉnh với<br>Cổng DVC<br>quốc gia                                                                         |                                                                                  |                                                         |                                  |
| 2.3 | Xây dựng Hệ thống<br>tiếp nhận, trả lời phản<br>ánh, kiến nghị của<br>người dân, doanh<br>nghiệp về kinh tế - xã<br>hội | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Ứng dụng CNTT phục vụ<br>công tác theo dõi, quản lý<br>việc tiếp nhận, xử lý và trả<br>lời phản ánh, kiến nghị của<br>người dân, doanh nghiệp<br>tỉnh Khánh Hòa được tập<br>trung; xử lý được các vấn<br>đề nóng cần thời gian xử<br>lý nhanh cho người dân và<br>doanh nghiệp | Xây dựng Hệ<br>thống thông<br>tin tiếp nhận,<br>xử lý và trả<br>lời phản ánh,<br>kiến nghị của<br>người dân,<br>doanh nghiệp<br>tỉnh Khánh<br>Hòa                                   | Các cơ quan,<br>đơn vị, địa<br>phương trên toàn<br>tỉnh | 2020                    | Xây dựng<br>hệ thống và<br>đào tạo,<br>triển khai<br>trên cho các<br>cơ quan,<br>đơn vị, địa<br>phương               | 3.000                                                                            | NSDP                                                    | 3.000                            |
| 2.4 | Xây dựng và đưa vào<br>vận hành Trung tâm<br>giám sát và điều hành<br>ứng phó sự cố an<br>toàn thông tin<br>(S.O.C)     | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Triển khai Kế hoạch ứng<br>phó sự cố và Đề án giám<br>sát an toàn thông tin mạng<br>đối với hệ thống, dịch vụ<br>CNTT phục vụ chính<br>quyền điện tử                                                                                                                           | Xây dựng và<br>đưa vào vận<br>hành Trung<br>tâm giám sát<br>và điều hành<br>ứng phó sự cố<br>an toàn thông<br>tin cho hệ<br>thống thông<br>tin của các<br>CQNN trên<br>địa bàn tỉnh | Các cơ quan,<br>đơn vị, địa<br>phương trên toàn<br>tỉnh | 2020                    | Xây dựng<br>và đưa vào<br>vận hành<br>Trung tâm<br>giám sát và<br>điều hành<br>ứng phó sự<br>cố an toàn<br>thông tin | 5.000                                                                            | NSDP                                                    | 5.000                            |
| 2.5 | Trang bị hạ tầng<br>CNTT cho Công an                                                                                    | Công an<br>tỉnh                          | Mua sắm mới trang thiết<br>bị CNTT cho Công an                                                                                                                                                                                                                                 | Mua sắm,<br>trang bị hạ                                                                                                                                                             | Trên địa bàn<br>toàn tỉnh: Công                         | 2020                    | Toàn bộ<br>dự án                                                                                                     | 4.470                                                                            | NSDP                                                    | 4.470                            |



| Stt                                          | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                   | Đơn vị<br>chủ trì                        | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                                                                | Phạm vi<br>đầu tư                          | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020               | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA;...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|
|                                              | cấp huyện và cấp xã<br>phục vụ triển khai<br>Hệ thống quản lý<br>thông tin lưu trú trên<br>địa bàn tỉnh. |                                          | cấp huyện và cấp xã phục<br>vụ triển khai Hệ thống<br>quản lý thông tin lưu trú<br>trên địa bàn tỉnh, nhằm<br>mục tiêu: Nâng cao hiệu<br>quản quản lý lưu trú, bảo<br>đảm ATTT trên địa bàn;<br>bảo đảm sự chính xác của<br>số liệu khách, chống thất<br>thu thuế; nâng cao chất<br>lượng dịch vụ hành chính<br>công và hiệu quả Cải<br>cách thủ tục hành chính;<br>nâng cao hiệu quả hoạt<br>động của các đơn vị quản<br>lý nhà nước. | tăng CNTT<br>cho các bộ<br>phận trực<br>tiếp thực<br>hiện công<br>tác quản lý,<br>kiểm tra Hệ<br>thống quản<br>lý thông tin<br>lưu trú trên<br>địa bàn tỉnh. | an tỉnh, Công<br>an cấp huyện<br>và cấp xã |                         |                                              |                                                                                  |                                                         |                                  |
| <b>II</b> <b>Nhiệm vụ thực hiện năm 2020</b> |                                                                                                          |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                              |                                            |                         |                                              | <b>28.144</b>                                                                    |                                                         | <b>22.044</b>                    |
| <b>1</b>                                     | <b>Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2019</b>                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                              |                                            |                         |                                              | <b>16.391</b>                                                                    |                                                         | <b>14.091</b>                    |
| 1.1                                          | Nâng cấp hệ thống<br>phần mềm E-Office,<br>kết nối trực liên<br>thông văn bản quốc<br>gia.               | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Phục vụ trao đổi văn bản<br>điện tử giữa hệ thống E-<br>Office (Văn phòng UBND<br>tỉnh) với hệ thống của Văn<br>phòng Chính phủ, các Bộ,<br>cơ quan ngang Bộ, cơ quan<br>thuộc Chính phủ và các<br>tỉnh, thành phố trực thuộc<br>Trung ương qua Trục liên                                                                                                                                                                              | Nâng cấp hệ<br>thống phần<br>mềm E-Office                                                                                                                    | Văn phòng<br>UBND tỉnh                     | 2019 -<br>2022          | Nâng cấp<br>hệ thống<br>phần mềm<br>E-Office | 2.800                                                                            | NSDP                                                    | 1.800                            |

| Stt | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                           | Đơn vị<br>chủ trì                        | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                     | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                             | Phạm vi<br>đầu tư                                                  | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                     | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA;...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                                                                                                  |                                          | thông văn bản quốc gia                                                                                                                                                              |                                                                                                           |                                                                    |                         |                                                                    |                                                                                  |                                                         |                                        |
| 1.2 | Duy trì dịch vụ tin<br>nhắn thông báo kết<br>quả, tiến độ giải<br>quyết hồ sơ                    | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Thông báo tiến độ giải<br>quyết hồ sơ, mời bổ sung<br>hồ sơ, nhận kết quả, tin<br>nhắn thông báo và xin lỗi<br>khi hồ sơ trễ hạn trong<br>giải quyết TTHC cho tổ<br>chức, công dân. | Duy trì dịch<br>vụ tin nhắn<br>thông báo kết<br>quả, tiến độ<br>giải quyết hồ<br>sơ                       | Các cơ quan, địa<br>phương cung<br>cấp dịch vụ<br>công.            | Thực hiện<br>hàng năm   |                                                                    | 200                                                                              | NSDP                                                    | 200                                    |
| 1.3 | Bổ sung, cập nhật<br>chức năng, tính năng<br>kỹ thuật cho các phần<br>mềm dùng chung của<br>tỉnh | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Nâng cấp, hoàn thiện các<br>chức năng, tính năng kỹ<br>thuật cho các phần mềm<br>dùng chung của tỉnh                                                                                | Bổ sung, cập<br>nhật chức<br>năng, tính<br>năng kỹ thuật<br>cho các phần<br>mềm dùng<br>chung của<br>tỉnh | Toàn tỉnh                                                          | Cập nhật<br>hàng năm    | Nâng cấp<br>phần mềm<br>quản lý<br>CBCC,<br>Nhắc việc,<br>E-Office | 500                                                                              | NSDP                                                    | 500                                    |
| 1.4 | Chi phí phục vụ hoạt<br>động Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh                                           | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Duy trì hoạt động Trung<br>tâm dữ liệu tỉnh                                                                                                                                         | Chi phí<br>đường<br>truyền, điện,<br>backup,...                                                           | Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh                                          | Thực hiện<br>hàng năm   | Chi phí<br>đường<br>truyền,<br>điện,<br>backup,...                 | 1.500                                                                            | NSDP                                                    | 1.500                                  |
| 1.5 | Phần mềm dự toán<br>ngân sách                                                                    | Sở Tài<br>chính                          | Tổng hợp, khai thác dữ<br>liệu tài chính phục công<br>tác lập dự toán NSNN<br>hàng năm                                                                                              | Xây dựng<br>phần mềm<br>dự toán<br>ngân sách                                                              | Các cơ<br>quan, đơn<br>vị, địa<br>phương<br>cấp tỉnh,<br>cấp huyện | 2019-<br>2020           | Xây dựng<br>phần mềm<br>dự toán<br>ngân sách                       | 2.500                                                                            | NSTW                                                    | 2.500<br>(chuyển<br>nguồn năm<br>2019) |
| 1.7 | Đầu tư thiết bị bảo                                                                              | Văn                                      | Đầu tư thiết bị bảo mật                                                                                                                                                             | Mua sắm                                                                                                   | Văn phòng                                                          | 2019-                   | Mua sắm                                                            | 748                                                                              | NSDP                                                    | 748                                    |

| Stt  | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                                                            | Đơn vị<br>chủ trì     | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                             | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                        | Phạm vi<br>đầu tư                       | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA; ...)                                | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020                                                       |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|      | mật trung tâm                                                                                                                                     | phòng<br>UBND<br>tỉnh | trung tâm để thay thế thiết bị hiện đang sử dụng thường xuyên bị lỗi ngừng hoạt động, nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho toàn bộ hệ thống mạng Văn phòng UBND tỉnh | thiết bị bảo mật trung tâm                                                                                           | UBND tỉnh                               | 2020                    | thiết bị bảo mật trung tâm                    |                                                                                  |                                                                                         |                                                                                        |
| 1.8  | Ứng dụng CNTT trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm                                                                                   | Sở Y tế               | Ứng dụng CNTT vào quản lý và thanh quyết toán bảo hiểm y tế tại các Trung tâm Y tế và Bệnh viện tuyến tỉnh                                                                  | Thuê phần mềm Quản lý Y tế điều trị                                                                                  | Các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh | 2019 - 2020             | Thuê phần mềm Quản lý Y tế điều trị           | 2.000                                                                            | NSDP (Nguồn thu sự nghiệp y tế)                                                         | 2.000                                                                                  |
| 1.9  | Ứng dụng CNTT kết nối các cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa                                                                        | Sở Y tế               | Tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn tại các cơ sở cung ứng thuốc                                                                                        | Thuê phần mềm Quản lý nhà thuốc                                                                                      | Các cơ sở cung ứng thuốc trên toàn tỉnh | 2019 - 2020             | Thuê phần mềm Quản lý nhà thuốc               | 500                                                                              | NSDP (nguồn thu của các cơ sở)                                                          | 500                                                                                    |
| 1.10 | Xây dựng Phần mềm hỗ trợ lập kế hoạch và xử lý chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | Thanh tra tỉnh        | Ứng dụng CNTT hỗ trợ lập kế hoạch và xử lý chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa                               | - Xây dựng CSDL về Doanh nghiệp và phần mềm<br>- Xây dựng quy chế<br>- Trang bị cơ sở hạ tầng để triển khai ứng dụng | Trong tỉnh                              | 2018 - 2020             | Trang bị cơ sở hạ tầng để triển khai ứng dụng | 3.000                                                                            | NSDP (Trong đó kinh phí xây dựng phần mềm từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ) | 1.700 (Trong đó kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ: 200 triệu đồng) |

| Stt  | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                    | Đơn vị<br>chủ trì      | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                                                       | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                                  | Phạm vi<br>đầu tư      | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                                                                              | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA; ...)                                                                       | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|------|-----------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|      |                                                           |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                |                        |                         |                                                                                                                             |                                                                                  | nghe:<br>1.500 triệu<br>đồng)                                                                                                  |                                  |
| 1.11 | Phần mềm quản lý vị trí, phương tiện quảng cáo ngoài trời | Sở Văn hóa và Thể thao | Quản lý tập trung, thống nhất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo, từng bước đưa hoạt động quảng cáo đi vào nề nếp và có hệ thống.                                                                            | Xây dựng phần mềm quản lý vị trí, phương tiện quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh, cài đặt, thiết lập hệ thống, kiểm thử    | Sở Văn hóa và Thể thao | 2019 - 2020             | Xây dựng phần mềm quản lý vị trí, phương tiện quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh, cài đặt, thiết lập hệ thống, kiểm thử | 904                                                                              | NSDP (nguồn kinh phí sự nghiệp - kinh phí cho thuê vị trí lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời của Trung tâm Văn hóa tỉnh) | 904 (chuyển nguồn năm 2019)      |
| 1.12 | Phần mềm quản lý các công trình di tích lịch sử văn hóa   | Sở Văn hóa và Thể thao | Nâng cao công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương, các đơn vị có liên quan thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ, tôn tạo và phát huy | Xây dựng phần mềm quản lý các công trình di tích lịch sử văn hóa trên đại bàn tỉnh, cài đặt, thiết lập hệ thống, kiểm thử chức | Sở Văn hóa và Thể thao | 2019- 2020              | Xây dựng phần mềm quản lý các công trình di tích lịch sử văn hóa trên đại bàn tỉnh, cài đặt, thiết lập hệ thống, kiểm       | 925                                                                              | NSDP (nguồn kinh phí sự nghiệp - phí tham quan của Trung tâm Bảo tồn di tích tỉnh)                                             | 925                              |

| Stt      | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                                                                             | Đơn vị<br>chủ trì                        | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                 | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                           | Phạm vi<br>đầu tư               | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                               | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA; ...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|
|          |                                                                                                                                                                    |                                          | giá trị di tích và di sản văn<br>hóa phi vật thể gắn với di<br>tích trên địa bàn tỉnh.                                                                                                                          | năng                                                                                                                    |                                 |                         | thử chức<br>năng                                                             |                                                                                  |                                                          |                                  |
| 1.13     | Nâng cấp phần mềm<br>quản lý thư viện và<br>mua sắm thiết bị tin<br>học                                                                                            | Sở Văn<br>hóa và<br>Thể<br>thao          | Hiện đại hóa hoạt động thư<br>viện, đáp ứng nhu cầu của<br>bạn đọc cũng như đội ngũ<br>quản lý hệ thống thư viện                                                                                                | Nâng cấp<br>phần mềm<br>quản lý thư<br>viện; mua<br>sắm thiết bị<br>tin học                                             | Thư viện tỉnh                   | 2019 -<br>2020          | Nâng cấp<br>phần mềm<br>quản lý thư<br>viện; mua<br>sắm thiết bị<br>tin học  | 814                                                                              | NSDP                                                     | 814                              |
| <b>2</b> | <b>Nhiệm vụ triển khai mới 2020</b>                                                                                                                                |                                          |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                         |                                 |                         |                                                                              | <b>11.753</b>                                                                    |                                                          | <b>7.953</b>                     |
| 2.1      | Cập nhật Kiến trúc<br>chính quyền điện tử<br>tỉnh                                                                                                                  | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Rà soát, cập nhật Kiến trúc<br>chính quyền điện tử tỉnh<br>theo quy định, hướng dẫn<br>của Trung ương và tình<br>hình triển khai thực tế tại<br>tỉnh (phiên bản 2.0)                                            | Rà soát, cập<br>nhật Kiến trúc<br>chính quyền<br>điện tử tỉnh                                                           | Trong tỉnh                      | Cập nhật<br>hàng năm    | Rà soát, cập<br>nhật Kiến<br>trúc chính<br>quyền điện<br>tử tỉnh             | 400                                                                              | NSDP                                                     | 400                              |
| 2.2      | Mua sắm, bổ sung<br>thiết bị, tổ chức lại<br>Trung tâm dữ liệu<br>(TTDL) tỉnh, đảm<br>bảo vận hành, dự<br>phòng và mở rộng<br>triển khai ứng dụng<br>CNTT của tỉnh | Sở<br>Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông | Đảm bảo TTDL tỉnh hoạt<br>động thông suốt, ổn định<br>đáp ứng yêu cầu sử dụng<br>của các đơn vị sử dụng<br>phần mềm dùng chung<br>của tỉnh; đảm bảo khả<br>năng ứng phó sự cố, đảm<br>bảo ATTT mạng cho<br>TTDL | Đầu tư các<br>hạng mục<br>thiết bị kỹ<br>thuật (máy<br>chủ, thiết bị<br>bảo mật, thiết<br>bị mạng ...) cho TTDL<br>tỉnh | Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh       | 2020                    | Mua sắm,<br>bổ sung<br>thiết bị, tổ<br>chức lại<br>Trung tâm<br>dữ liệu tỉnh | 2.000                                                                            | NSDP                                                     | 2.000                            |
| 2.3      | Nâng cấp Trang<br>thông tin điện tử Sở<br>Thông tin và Truyền                                                                                                      | Sở<br>Thông<br>tin và                    | Nâng cấp trang TTĐT theo<br>giải pháp công nghệ mới,<br>đáp ứng yêu cầu cung cấp                                                                                                                                | Nâng cấp<br>Trang thông<br>tin điện tử Sở                                                                               | Sở Thông tin và<br>Truyền thông | 2020                    | Nâng cấp<br>Trang<br>TTĐT của                                                | 300                                                                              | NSDP                                                     | 300                              |

| Stt | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                                                             | Đơn vị<br>chủ trì                                   | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                        | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                                                        | Phạm vi<br>đầu tư         | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                                                                                                          | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA; ...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|
|     | thông                                                                                                                                              | <b>Truyền<br/>thông</b>                             | thông tin đa dạng về nội<br>dung và hình thức                                                                                                                                          | Thông tin và<br>Truyền thông                                                                                                                         |                           |                         | Sở                                                                                                                                                      |                                                                                  |                                                          |                                  |
| 2.4 | Tổ chức tập huấn và<br>triển khai các chính<br>sách ATTT theo tiêu<br>chuẩn ISO 27001 và<br>đào tạo kỹ năng ứng<br>phó sự cố, bảo đảm<br>ATTT mạng | <b>Sở<br/>Thông<br/>tin và<br/>Truyền<br/>thông</b> | Triển khai Kế hoạch ứng<br>phó sự cố và Đề án giám<br>sát an toàn thông tin mạng<br>đối với hệ thống, dịch vụ<br>CNTT phục vụ chính<br>quyền điện tử                                   | Tập huấn và<br>triển khai<br>các chính<br>sách ATTT<br>theo tiêu<br>chuẩn ISO<br>27001; đào<br>tạo kỹ năng<br>ứng phó sự<br>cố, bảo đảm<br>ATTT mạng | Toàn tỉnh                 | 2020 -<br>2022          | Tập huấn và<br>triển khai<br>các chính<br>sách ATTT<br>theo tiêu<br>chuẩn ISO<br>27001; đào<br>tạo kỹ năng<br>ứng phó sự<br>cố, bảo đảm<br>ATTT<br>mạng | 750                                                                              | NSDP                                                     | 250                              |
| 2.5 | Thuê dịch vụ giám<br>sát và phòng chống<br>tấn công mạng cho<br>Công thông tin điện<br>tử tỉnh và các phần<br>mềm dùng chung                       | <b>Sở<br/>Thông<br/>tin và<br/>Truyền<br/>thông</b> | Thuê dịch vụ giám sát và<br>phòng chống tấn công<br>mạng cho Công thông tin<br>điện tử tỉnh và các phần<br>mềm dùng chung nhằm kịp<br>thời phát hiện, xử lý các sự<br>cố tấn công mạng | Thuê dịch vụ<br>giám sát và<br>phòng chống<br>tấn công<br>mạng cho<br>Công thông<br>tin điện tử<br>tỉnh và các<br>phần mềm<br>dùng chung             | Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh | 2020 -<br>2022          | Thuê dịch<br>vụ giám sát<br>và phòng<br>chống tấn<br>công mạng<br>cho Công<br>thông tin<br>điện tử tỉnh<br>và các phần<br>mềm dùng<br>chung             | 1.200                                                                            | NSDP                                                     | 400                              |
| 2.6 | Phần mềm ngăn<br>ngừa mã độc và hệ<br>thống ngăn chặn tấn                                                                                          | <b>Sở<br/>Thông<br/>tin và</b>                      | Trang bị phần mềm ngăn<br>ngừa mã độc và hệ thống<br>ngăn chặn tấn công có chủ                                                                                                         | Trang bị phần<br>mềm ngăn<br>ngừa mã độc                                                                                                             | Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh | 2020 -<br>2022          | Trang bị<br>phần mềm<br>ngăn ngừa                                                                                                                       | 1.650                                                                            | NSDP                                                     | 550                              |

| Stt | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                                                                                         | Đơn vị<br>chủ trì                                   | Mục tiêu đầu tư                                                                                                                                                                                                                      | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                                          | Phạm vi<br>đầu tư         | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                                                                                            | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA; ...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|
|     | công có chủ đích<br>cho các máy chủ<br>phần mềm dùng<br>chung của tỉnh                                                                                                         | <b>Truyền<br/>thông</b>                             | đích nhằm tăng cường khả<br>năng bảo mật, phòng<br>chống tấn công mạng cho<br>các máy chủ phần mềm<br>dùng chung của tỉnh                                                                                                            | và hệ thống<br>ngăn chặn tấn<br>công có chủ<br>đích cho các<br>máy chủ phần<br>mềm dùng<br>chung của<br>tỉnh                           |                           |                         | mã độc và<br>hệ thống<br>ngăn chặn<br>tấn công có<br>chủ đích<br>cho các<br>máy chủ<br>phần mềm<br>dùng chung<br>của tỉnh                 |                                                                                  |                                                          |                                  |
| 2.7 | Đánh giá an toàn<br>thông tin và xây<br>dựng hồ sơ đề xuất<br>cấp độ cho hệ thống<br>thông tin tại Trung<br>tâm dữ liệu tỉnh.                                                  | <b>Sở<br/>Thông<br/>tin và<br/>Truyền<br/>thông</b> | Tổ chức đánh giá an toàn<br>thông tin và xây dựng hồ<br>sơ đề xuất cấp độ cho hệ<br>thống thông tin tại Trung<br>tâm dữ liệu tỉnh nhằm tăng<br>cường công tác quản lý,<br>vận hành và đảm bảo<br>ATTT tại Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh. | Đánh giá an<br>toàn thông tin<br>và xây dựng<br>hồ sơ đề xuất<br>cấp độ cho hệ<br>thống thông<br>tin tại Trung<br>tâm dữ liệu<br>tỉnh. | Trung tâm dữ<br>liệu tỉnh | 2020 -<br>2022          | Đánh giá an<br>toàn thông<br>tin và xây<br>dựng hồ sơ<br>đề xuất cấp<br>độ cho hệ<br>thống thông<br>tin tại<br>Trung tâm<br>dữ liệu tỉnh. | 600                                                                              | NSDP                                                     | 200                              |
| 2.8 | Xây dựng Hệ thống<br>thông tin báo cáo<br>của địa phương trên<br>cơ sở kết nối với Hệ<br>thống thông tin báo<br>cáo của Chính phủ<br>theo lộ trình, hướng<br>dẫn của Chính phủ | <b>Sở<br/>Thông<br/>tin và<br/>Truyền<br/>thông</b> | Triển khai Quyết định số<br>2541/QĐ-UBND ngày<br>06/8/2019 ban hành Kế<br>hoạch triển khai, thực hiện<br>Nghị quyết số 17/NQ-CP<br>ngày 07/3/2019 của Chính<br>phủ về một số nhiệm vụ,<br>giải pháp trọng tâm phát                   | Xây dựng Hệ<br>thống thông<br>tin báo cáo<br>của địa<br>phương trên<br>cơ sở kết nối<br>với Hệ thống<br>thông tin báo                  | Toàn tỉnh                 | 2020-<br>2022           | Xây dựng<br>Hệ thống<br>thông tin<br>báo cáo của<br>địa phương<br>trên cơ sở<br>kết nối với<br>Hệ thống                                   | 2.000                                                                            | NSDP                                                     | 1.000                            |

| Stt  | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                                                     | Đơn vị<br>chủ trì              | Mục tiêu đầu tư                                                                                                             | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                                                           | Phạm vi<br>đầu tư         | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020                                                                                               | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA;...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|
|      |                                                                                                            |                                | triển Chính phủ điện tử<br>giai đoạn 2019 - 2020,<br>định hướng đến năm 2025<br>theo lộ trình của Chính<br>phủ              | cáo của Chính<br>phủ                                                                                                    |                           |                         | thông tin<br>báo cáo của<br>Chính phủ                                                                                        |                                                                                  |                                                         |                                  |
| 2.9  | Nâng cấp hệ thống<br>ứng phó sự cố, đảm<br>bảo an toàn thông<br>tin mạng của Sở Kế<br>hoạch và Đầu tư      | Sở Kế<br>hoạch<br>và Đầu<br>tư | Tăng cường năng lực bảo<br>mật hệ thống mạng, an<br>toàn an ninh thông tin, cơ<br>sở dữ liệu tại Sở Kế hoạch<br>và Đầu tư   | Mua sắm thiết<br>bị lưu trữ dữ<br>liệu, giám sát<br>hoạt động<br>mạng, phần<br>mềm sao lưu,<br>chống mã hóa<br>dữ liệu. | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư  | 2020                    | Mua sắm<br>thiết bị lưu<br>trữ dữ liệu,<br>giám sát<br>hoạt động<br>mạng, phần<br>mềm sao<br>lưu, chống<br>mã hóa dữ<br>liệu | 1.232                                                                            | NSDP                                                    | 1.232                            |
| 2.10 | Nâng cấp hệ thống<br>ứng phó sự cố, đảm<br>bảo an toàn thông<br>tin mạng của Sở<br>Giáo dục và Đào<br>tạo. | Sở Giáo<br>dục và<br>Đào tạo   | Tăng cường năng lực bảo<br>mật hệ thống mạng, an<br>toàn an ninh thông tin, cơ<br>sở dữ liệu tại Sở Giáo dục<br>và Đào tạo. | Mua sắm thiết<br>bị lưu trữ dữ<br>liệu, giám sát<br>hoạt động<br>mạng, phần<br>mềm sao lưu,<br>chống mã hóa<br>dữ liệu. | Sở Giáo dục và<br>Đào tạo | 2020                    | Mua sắm<br>thiết bị lưu<br>trữ dữ liệu,<br>giám sát<br>hoạt động<br>mạng, phần<br>mềm sao<br>lưu, chống<br>mã hóa dữ<br>liệu | 1.121                                                                            | NSDP                                                    | 1.121                            |



| Stt  | Tên dự án/<br>nhiệm vụ                                                            | Đơn vị<br>chủ trì                   | Mục tiêu đầu tư                                                                            | Quy mô,<br>nội dung<br>đầu tư                                                               | Phạm vi<br>đầu tư          | Thời gian<br>triển khai | Nội dung<br>đầu tư<br>năm 2020 | Tổng<br>mức đầu<br>tư<br>(dự kiến<br>đối với<br>trường<br>hợp chưa<br>phê duyệt) | Nguồn vốn<br>(ghi rõ:<br>NSTW;<br>NSDP; vốn<br>ODA; ...) | Kế hoạch<br>kinh phí<br>năm 2020 |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 2.11 | Nâng cấp hệ thống<br>mạng Khu liên cơ<br>hành chính và lắp đặt<br>camera quan sát | UBND<br>thành<br>phố<br>Cam<br>Ranh | Nâng cao năng lực hệ<br>thống mạng, tăng cường<br>đảm bảo an toàn, an ninh<br>Khu Liên cơ. | Nâng cấp hệ<br>thống mạng<br>và lắp đặt<br>camera quan<br>sát Khu liên<br>cơ hành<br>chính. | UBND thành<br>phố Cam Ranh | 2020                    |                                | 500                                                                              | NSDP                                                     | 500                              |
|      | <b>Tổng cộng (làm tròn)</b>                                                       |                                     |                                                                                            |                                                                                             |                            |                         |                                | <b>142.702</b>                                                                   |                                                          | <b>95.084</b>                    |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT THỰC HIỆN**  
**CÁC MỤC TIÊU VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 17/NQ-CP**  
**TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 07/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

| STT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                         | Năm 2020 | Nhiệm vụ                                                                                                      | Lộ trình thực hiện | Ghi chú                                           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. | 20%      | Thực hiện kết nối với CSDL về dân cư, đăng ký kinh doanh để hỗ trợ xác thực thông tin người dân, doanh nghiệp | Trong năm 2020     | Khi CSDL về dân cư, đăng ký kinh doanh hoàn thành |
| 2   | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng bộ, ngành, địa phương                                                                                                                | 20%      | Giao chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến cho các cơ quan, đơn vị                                                        | Quý I/2020         |                                                   |
| 3   | Tỷ lệ tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia.                                                                                                                            | 30%      | Kết nối hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia         | Trong năm 2020     | Theo lộ trình của Trung ương                      |
| 4   | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.                                                                                                                  | 100%     | -                                                                                                             |                    | Chỉ tiêu này đã hoàn thành                        |
| 5   | Tỷ lệ DVCTT mức độ 4                                                                                                                                                                                                             | 30%      | Rà soát, bổ sung danh mục thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 4 của tỉnh                                     | Trong năm 2020     |                                                   |
| 6   | Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động                                                                                                                                                           | 50%      | -                                                                                                             |                    | Chỉ tiêu này đã hoàn thành                        |
| 7   | Tỷ lệ dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp                                                                                                                                                     | 100%     | -                                                                                                             |                    | Chỉ tiêu này đã hoàn thành                        |
| 8   | Tỷ lệ cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.                                                                                                                              | 50%      | Ban hành Quyết định công khai chỉ số hài lòng của các cơ quan nhà nước                                        | Quý IV năm 2020    | Công bố quyết định vào Quý IV hàng năm            |
| 9   | Cổng Thông tin điện tử địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.                                                                                          | 100%     | -                                                                                                             |                    | Chỉ tiêu này đã hoàn thành                        |
| 10  | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành                                                                                                                                  | 20%      | Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số trong xác thực văn bản điện tử cho                                    | Trong năm 2020     | Theo lộ trình của Chính phủ                       |

|    |                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                                                   |                 |                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|
|    | chính.                                                                                                                                                     |         | các hệ thống thông tin, thiết bị di động để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước                                |                 |                                        |
| 11 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử.                                                                                                    | 50%     | -                                                                                                                                                                                 |                 | Chỉ tiêu này đã hoàn thành             |
| 12 | Tỷ lệ thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến                                                                                    | 20%     | Mở rộng danh mục biểu mẫu online trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, tích hợp với các CSDL chuyên ngành đã được xây dựng để trích xuất dữ liệu vào biểu mẫu tự động điền. | Quý II năm 2020 |                                        |
| 13 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp                                                            | 50%     | Kết nối Cổng Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp                                                                   | Trong năm 2020  | Theo lộ trình của Trung ương           |
| 14 | Tỷ lệ phần mềm quản lý văn bản và điều hành của địa phương được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử | 100%    | Nâng cấp hệ thống phần mềm E-Office, kết nối trục liên thông văn bản quốc gia.                                                                                                    | Quý I/2020      |                                        |
| 15 | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử                                           | 90%     | -                                                                                                                                                                                 |                 | Chỉ tiêu này đã hoàn thành             |
| 16 | Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng                                                                                             | 80%     | -                                                                                                                                                                                 |                 | Chỉ tiêu này đã hoàn thành             |
| 17 | Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng                                                                                            | 60%     | -                                                                                                                                                                                 |                 | Chỉ tiêu này đã hoàn thành             |
| 18 | Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng                                                                                               | 30%     | -                                                                                                                                                                                 |                 | Chỉ tiêu này đã hoàn thành             |
| 19 | Tỷ lệ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.                                                 | 30%     | Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của địa phương trên cơ sở kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ                                                                | Trong năm 2020  | Theo lộ trình, hướng dẫn của Chính phủ |
| 20 | Rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.             | 30%-50% | Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh                                                                                         | 2020            |                                        |
| 21 | Tỷ lệ cơ quan nhà nước từ                                                                                                                                  | 100%    | - Phối hợp với nhà cung                                                                                                                                                           | Quý             |                                        |

|  |                                                                                                             |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |        |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--|
|  | <p>Trung ương tới cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.</p> |  | <p>cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh rà soát, đánh giá, có giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của các cơ quan, đơn vị, địa phương.</p> <p>- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.</p> | I/2020 |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--|

HÀNH